

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2017/DS-ST
Ngày 25 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ- TỈNH BẾN TRE.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2017/TLST - DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2441/2017/QĐST- DS ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị X, sinh năm 1954. Địa chỉ: 28/6 ấp TM, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Võ Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: 172/5 ấp TM, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre .

(Bà Võ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: 28/6 ấp TM, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: 172/5 ấp TM, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Võ Thị X trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016 bà có làm chủ hui, bà Nguyễn Thị L có tham gia của bà 06 dây hui như sau:

Dây thứ 1: Hụi khui ngày 25/10/2014 âm lịch, ngày mǎng hụi ngày 25/9/2016 âm lịch; gồm 24 phần, mỗi phần hụi là 500.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Bà L tham gia hai phần, sau khi hốt hụi bà L không đóng hụi chết và còn nợ lại bà số tiền 5.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi khui ngày 30/5/2014 âm lịch, ngày mǎng hụi ngày 05/11/2016 âm lịch; gồm 30 phần mỗi phần hụi là 500.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Bà L tham gia một phần, sau khi hốt hụi bà L không đóng hụi chết và còn nợ lại bà số tiền 3.500.000 đồng.

Dây thứ 3: Hụi khui ngày 10/02/2014 âm lịch, ngày mǎng hụi ngày 10/5/2017 âm lịch; gồm 28 phần mỗi phần hụi là 500.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Bà L tham gia hai phần, sau khi hốt hụi bà L không đóng hụi chết và còn nợ lại bà số tiền 6.000.000 đồng.

Dây thứ 4: Hụi khui ngày 15/5/2015 âm lịch, ngày mǎng hụi ngày 15/3/2017 âm lịch; gồm 23 phần mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Bà L tham gia hai phần, sau khi hốt hụi bà L không đóng hụi chết và còn nợ lại bà số tiền 10.000.000 đồng.

Dây thứ 5: Hụi khui ngày 20/3/2016 âm lịch, ngày mǎng hụi ngày 20/7/2018 âm lịch; gồm 29 phần mỗi phần hụi là 500.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần Bà L tham gia một phần và nợ lại 22 tháng hụi chết với số tiền 11.000.000 đồng nhưng dây hụi này bà chỉ yêu cầu bà L số tiền 6.000.000 đồng, số còn lại bà không yêu cầu.

Dây thứ 6: Hụi khui ngày 06/11/2015 âm lịch, ngày mǎng hụi ngày 06/3/2018 âm lịch; gồm 29 phần mỗi phần hụi là 500.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Bà L tham gia một phần và nợ lại 22 tháng hụi chết với số tiền 11.000.000 đồng nhưng dây hụi này đến ngày khởi kiện bà L vi phạm không đóng 12 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ lại 10 tháng chưa vi phạm.

Tổng cộng 06 dây hụi bà L nợ bà là 36.500.000 đồng.

Số tiền bà L nợ bà là tiền chung của bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn C. Ngoài ra việc bà L chơi hụi với bà thì chồng bà L là ông Nguyễn Văn T biết do bà L chơi hụi về nhằm phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời khi bà có yêu cầu bà L, ông T trả tiền thì bà L và ông T có cam kết trả nợ cho bà nhưng không thực hiện.

Tại phiên tòa bà vẫn giữ yêu cầu bà L, ông T phải liên đới giao trả cho bà và ông C số tiền 36.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2017 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/8/2017 bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà thừa nhận bà có nợ bà Võ Thị X số tiền 36.500.000 đồng, đúng như bà X trình bày trong đơn khởi kiện. Bà tham gia chơi hụi với bà X về lo phát triển kinh tế gia đình nên chồng bà là ông Nguyễn Văn T hoàn toàn biết. Bà thừa nhận hiện nay có hai dây hụi chưa mặng như bà X trình bày nên bà đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà X.

Qua yêu cầu của bà X thì bà và ông T đồng ý liên đới trả cho bà X và ông C số tiền 36.500.000 đồng nhưng do hiện nay bà bị bệnh, kinh tế của gia đình bà quá khó khăn nên bà xin kéo dài đến năm 2018 bà sẽ trả hết nợ cho bà X. Do bà bị bệnh không đi lại được nên bà xin được vắng mặt trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị X, ông không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Võ Thị L hiện đăng ký hộ khẩu tại 172/5 ấp Thạnh Mỹ, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà X, bà L, ông C thống nhất bà L, ông T còn nợ bà X, ông C số tiền 36.500.000 đồng. Tại phiên tòa bà L, ông T vắng mặt; riêng bà X, ông C yêu cầu bà L, ông T phải trả một lần số tiền 36.500.000 đồng. Xét thấy mặc dù việc chơi hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là do hai bên thỏa thuận không có lập văn bản nhưng được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và tuân theo quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó bà X yêu cầu bà L giao trả cho bà và ông C số tiền 36.500.000

đồng là phù hợp với Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà X về việc yêu cầu bà L, ông T phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà và ông C số tiền 36.500.000 đồng. Xét thấy: Mặc dù ông T không trực tiếp chơi hụi với bà X nhưng mục đích bà L chơi hụi về lo phát triển kinh tế gia đình và sử dụng chung trong gia đình. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới với và Võ Thị L để trả cho bà X và ông C số tiền 36.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của bà Võ Thị L. Xét thấy: Bà L hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi cho bà X đúng như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà X. Mặt khác tại phiên tòa thì bà X, ông C cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà L nên yêu cầu trả nợ dần của bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với dây hụi thứ 06 có 10 tháng hụi chết với số tiền 5.000.000 đồng chưa đến hạn bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 36.500.000 \text{ đồng} = 1.825.000 \text{ đồng}$.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X. Buộc bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà Võ Thị X và ông Nguyễn Văn C số tiền 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Đối với dây hụi thứ 06 có 10 tháng hụi chết với số tiền 5.000.000 đồng chưa đến hạn trả bà X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Văn Tích phải liên đới nộp 1.825.000 đồng.

Bà Võ Thị X được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 912.000 đồng theo biên lai thu số 0010571 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

